

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02-03-2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hiền

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, về việc “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **NTP**, sinh năm 1978

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã N, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã N, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh **NVC**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị NTP, vắng mặt anh NVC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/7/2022, bản tự khai ngày 23/9/2022, biên bản hòa giải ngày 11/01/2023, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTP trình bày: Chị và anh NVC tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã Định Liên, huyện Yên Định vào ngày 09/11/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng 10 năm gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh NVC thường xuyên uống rượu về nhà rồi đánh đập chị, thần kinh hỗn loạn, hay nghĩ quẩn. Sau khi cháu NVA là con chung của vợ chồng không may bị chết đuối năm 2020 thì mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Anh NVC uống rượu nhiều hơn và đánh chị nhiều hơn. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên từ tháng 02/2022 chị đã chuyển hẳn ra ngoài sống riêng, không chung sống với anh NVC và gia đình bên nội nữa, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị NTP đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh NVC.

Về con chung: Chị NTP khai vợ chồng có 02 con chung là cháu NTO, sinh ngày 05/9/1999 và cháu NVA, sinh ngày 12/3/2003. Hiện nay cháu Oanh đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu Ánh đã chết. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị NTP xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/11/2022, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương vào gia đình anh NVC làm việc, nhưng anh NVC chỉ khai báo mà không làm bản tự khai, cũng không ký vào bất kỳ văn bản nào của Tòa án. Dưới sự chứng kiến của chính quyền địa phương và bố mẹ đẻ của anh NVC, Tòa án đã tiến hành ghi lại lời khai của anh NVC, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị NTP kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 20 năm, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi con trai của vợ chồng chết vì đuối nước, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên can nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Chị NTP đã bỏ nhà đi từ tháng 02/2022 đến nay, vợ chồng chính thức ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị NTP làm đơn ly hôn, anh xét thấy chị NTP không còn tình cảm gì với anh nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung, anh NVC xác định vợ chồng có 02 con chung là NTO, sinh ngày 05/9/1999 và NVA, sinh ngày 12/3/2003. Cháu Oanh đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu NVA đã chết, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung anh NVC không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù các bên đều thống nhất được về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và công nợ chung, nhưng tại phiên hòa giải ngày 11/01/2023 anh NVC lại không thể hiện rõ quan điểm đồng ý ly hôn hay không, cũng không đồng ý ký vào bất kỳ văn bản nào của Tòa án, nên hòa giải không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về hôn nhân*: Đề nghị xử cho chị NTP được ly hôn anh NVC.

- *Về con chung, tài sản chung và công nợ chung*: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh NVC là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Định Liên, huyện Yên Định, nên việc Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định.

Anh NVC đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh NVC theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị NTP và anh NVC tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, mâu thuẫn ngày càng gay gắt khi năm 2020 con trai của anh chị là cháu NVA chết do đuối nước, vợ chồng đánh chửi nhau, chị NTP phải rời khỏi nhà ra ngoài ở riêng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị NTP và anh NVC đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị NTP, xử cho chị NTP được ly hôn anh NVC.

[3] Về con chung: Chị NTP và anh NVC đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu NTO, sinh ngày 05/9/1999 và cháu NVA, sinh ngày 12/3/2003.

Hiện nay cháu Oanh đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu Ánh đã chết, các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị NTP phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị NTP được ly hôn anh NVC.

2. Về án phí: Chị NTP phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2021/0003549 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (*Chị NTP đã nộp đủ án phí*).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị NTP được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh NVC được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH: UBND xã Định Liên, Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng